

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH HƯNG  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày 20-8-2024

V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Lam

Ông Nguyễn Văn Lạc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 83/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Thanh D, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Long An. (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Long An. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Thanh D trình bày:

Ông D và bà T trước khi tiến đến hôn nhân có quen biết và tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2023 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V vào ngày 05/5/2023. Vợ chồng chung sống trong thời gian ngắn đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do tính cách không hợp nhau, dẫn đến tình cảm không còn. Hiện nay, bà T và ông D không còn sống chung, vợ chồng đã sống ly thân và không thể hàn gắn nên ông D gửi đơn ly hôn đề yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T để kết thúc cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Quá trình chung sống, ông D và bà T

không có con chung. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có.

Bị đơn bà Lê Thị Thu T vắng mặt trong suốt quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu của ông Trần Thanh D.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Ấp A, Xã V, Huyện V, Tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Long An vào ngày 05/5/2023 nên đây là hôn nhân hợp pháp, ông D yêu cầu giải quyết ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Ông D cho rằng ông và bà T chỉ chung sống thời gian ngắn nhưng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng do tính cách không hợp nhau và đã sống ly thân, cả hai sống xa nhau và không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm nên ông D cương quyết ly hôn; còn phía bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để thể hiện ý kiến hoặc gửi văn bản thể hiện ý kiến, bỏ mặc kết quả giải quyết, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Trần Thanh D.

[3] Về con chung: Ông D trình bày ông và bà T chung sống không có con chung nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông D không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung. Tại thời điểm giải quyết ly hôn cũng không có ai tranh chấp về nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn Nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Thanh D.

Về hôn nhân: Ông Trần Thanh D được ly hôn với bà Lê Thị Thu T.

2. Về án phí: Ông Trần Thanh D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0002570 ngày 02/5/2024 sang tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Yến Linh**